

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRIỆU PHONG  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HS-ST.

Ngày: 14-7-2021

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG, TỈNH QUẢNG TRỊ**

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Hồng Phước

*Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông Mai Văn Ánh.

+ Ông Hoàng Đức Bảo.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong tham gia phiên tòa:***  
Ông Lê Văn Huân - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2021, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 19/2021/HSST ngày 31 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2021/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo:

**TRỊNH THẾ C**, sinh năm 1966; tại Quảng Trị. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Trà Liên Tây, xã Triệu Giang, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh T, sinh năm 1932 và bà Cao Thị Qt, sinh năm 1930; đều có nơi cư trú: Thôn Trà Liên Tây, xã Triệu Giang, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị; vợ Đặng Thị L, sinh năm 1966; nơi cư trú: Thôn Trà Liên Tây, xã Triệu Giang, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị; có 03 con, lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 2001.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 04/8/2006 bị Công an huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú” - Có mặt tại phiên tòa.

***- Bị hại:***

+ Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1981; nơi cư trú: Thôn Đồng Tâm, xã Triệu Trạch, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị - Có mặt.

+ Anh Lê Đình V, sinh năm 1981; nơi cư trú: Thôn Đồng Tâm, xã Triệu Trạch, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị - Có mặt.

***- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*** Ông Trịnh C, sinh năm 1971; nơi cư trú: Thôn Trà Liên Tây, xã Triệu Giang, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị - Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 19/01/2021, Trịnh Thế C, sinh năm 1966, trú tại thôn Trà Liên Tây, xã Triệu Giang, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 74C1-307.42 đến quán photocopy ở thành phố Đông Hà (Cương không nhớ rõ địa chỉ) thuê in ảnh của chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1985, trú tại thôn Đồng Tâm, xã Triệu Trạch, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị trên khổ giấy A4 kèm theo nội dung: “Con này là Nguyễn Thị L loạn luân với em chồng Lê V đang làm việc tại Công ty Mạnh Triều. Cứ một tuần là Lê V (em trai của Lê V) khoảng 9 đến 10 giờ là lái xe lên chờ đi Quảng trị để quan hệ tình dục. Bên cạnh đó còn quan hệ với người yêu cũ tên Vũ và nhiều người khác. Riêng V và V chuyển tiền vào tài khoản cho L, còn quan hệ nhiều người nữa. Vậy tôi thông báo ai đã quan hệ tình dục với con này nên đi xét nghiệm bệnh xã hội. Số điện thoại: 0943513405 (Anh Cty Mạnh Triều)” với số lượng khoảng 30 tờ rồi đi về nhà. Đến khoảng 0 giờ 05 phút ngày 20/01/2021, C mang các tờ giấy in được đem rải dọc tuyến đường ở khu vực chợ Bồ Bản, xã Triệu Phước, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị và trước cổng nhà chị L ở thôn Đồng Tâm, xã Triệu Trạch, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị rồi trở về nhà ngủ. Khoảng 06 giờ 30 ngày 20/01/2021, chị L và anh V phát hiện sự việc nên làm đơn trình báo Công an.

Tại cơ quan điều tra, Trịnh Thế C khai nhận: Giữa C và chị L trước đây có quan hệ tình cảm với nhau nhưng sau khi bị vợ C phát hiện nên cả hai đã chia tay. Do thời gian gần đây, vợ C hay ghen chuyện cũ, đồng thời C gọi điện thoại cho chị L nhiều lần nhưng chị L không bắt máy, bên cạnh đó do trước đây anh V nhiều lần đến nơi làm việc chờ L về nên C nghĩ giữa anh V và chị L có quan hệ tình cảm nên tức giận và nảy sinh ý định in các tờ rơi có nội dung như trên để nhằm xúc phạm danh dự, uy tín, bôi nhọ chị L, anh V và để cho vợ tin tưởng là C đã chia tay chị L. Toàn bộ nội dung trên các tờ rơi là do C bịa đặt, vu khống chị L và anh V chứ hoàn toàn không có thật.

Do tờ rơi C rải ở khu vực chợ nên nhiều người biết, ảnh hưởng nghiêm trọng đến danh dự, nhân phẩm của chị L và anh V.

Cáo trạng số 20/CT-VKS-HS ngày 30/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị đã truy tố bị cáo Trịnh Thế C về tội “Vu khống” theo điểm c khoản 2 Điều 156 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trịnh Thế C phạm tội “Vu khống”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 156; điểm b, s, i khoản 1 Điều 51, khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự; xử phạt Trịnh Thế C từ 15 tháng đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi hình phạt tù.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584; Điều 592 Bộ luật dân sự; xử: Buộc bị cáo Trịnh Thế C phải bồi thường tiếp cho chị Nguyễn Thị L số tiền 9.760.000 đồng. Bồi thường cho anh Lê Đình V số tiền 13.410.000 đồng.

Bị cáo Trịnh Thế C phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị hại đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về trách nhiệm hình sự và dân sự đối với bị cáo theo quy định của pháp luật

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai có trong hồ sơ vụ án, bản cáo trạng, đủ cơ sở khẳng định: Chiều ngày 19/01/2021 và khoảng 0 giờ 05 phút ngày 20/01/2021, Trịnh Thế C đã có hành vi in tờ rơi với số lượng khoảng 30 tờ và rải dọc tuyến đường ở khu vực chợ Bò Bản, xã Triệu Phước và trước cổng nhà chị Nguyễn Thị L ở thôn Đồng Tâm, xã Triệu Trạch, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, với nội dung: “*Con này là Nguyễn Thị L loạn luân với em chồng Lê V đang làm việc tại Công ty Mạnh Triều. Cứ một tuần là Lê V (em trai của Lê V) khoảng 9 đến 10 giờ là lái xe lên chở đi Quảng trị để quan hệ tình dục. Bên cạnh đó còn quan hệ với người yêu cũ tên V và nhiều người khác. Riêng V và V chuyển tiền vào tài khoản cho L, còn quan hệ nhiều người nữa. Vậy tôi thông báo ai đã quan hệ tình dục với con này nên đi xét nghiệm bệnh xã hội. Số điện thoại: 0943513405 (Anh Cty Mạnh Triều)*”. Hành vi của bị cáo bịa đặt sai sự thật đã xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự của chị Nguyễn Thị L và anh Lê Đình V nên đủ yếu tố cấu thành tội “*Vu khống*” với tình tiết định khung “*Đối với 02 người trở lên*” theo điểm c khoản 2 Điều 156 Bộ luật hình sự.

#### **Điểm c khoản 2 Điều 156 Bộ luật hình sự quy định:**

- 1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây...*
- b) Bịa đặt hoặc loan truyền những điều biết rõ là sai sự thật nhằm xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự... của người khác;*
- 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 03 năm;*
- c) Đối với 02 người trở lên*

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của chị Nguyễn Thị L và anh Lê Đình V, gây tâm lý hoang mang, suy nhược về thể chất và tinh thần đối với bị hại; đồng thời làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo với mức án nghiêm nhằm răn đe, giáo dục bị cáo đồng thời phòng ngừa chung đối với loại tội này trong tình hình hiện nay.

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng; bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đó là: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; sau khi phạm tội, bị cáo đã tự nguyện bồi thường trách nhiệm dân sự cho bị hại chị Nguyễn Thị L với số tiền 15.000.000 đồng; bị cáo phạm tội lần đầu và khung hình phạt đối với khoản 2 Điều

156 Bộ luật hình sự quy định từ 01 năm đến 03 năm nên thuộc trường hợp phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm b, s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Qua xem xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội cũng như các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; có nơi cư trú rõ ràng nên không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương và gia đình giám sát giáo dục để bị cáo tu dưỡng, rèn luyện trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Nguyễn Thị Lyê cầu bồi thường tổng cộng 444.400.000 đồng gồm: Tổn thất về tinh thần do danh dự, nhân phẩm bị xâm hại là 400.000.000 đồng, thu nhập thực tế bị mất trong 03 tháng là 14.400.000 đồng (4.800.000 đồng/tháng x 3 tháng); thiệt hại về kinh tế của gia đình do không kinh doanh được trong 03 tháng là 30.000.000 đồng (10.000.000 đồng/tháng x 3 tháng); bị hại ông Lê Đình V yêu cầu bồi thường tổng cộng 682.000.000 đồng, gồm tổn thất về tinh thần do danh dự, nhân phẩm bị xâm hại là 100.000.000 đồng, bồi thường thiệt hại về kinh tế do chăn nuôi bị thua lỗ, cụ thể: Đối với gia cầm bán lỗ mỗi kilôgam 5.000 đồng, tổng cộng 48.000 con x 1,8kg/con x 5.000đ/kg = 432.000.000 đồng; đối với gia súc phải gửi lại nơi trang trại khác là 15 ngày x 10.000.000 đồng/ngày = 150.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến danh dự, nhân phẩm của người bị hại chị Nguyễn Thị L và anh Lê Đình V nên phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm bị xâm hại; cụ thể:

- Đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị L: Yêu cầu bồi thường về thu nhập thực tế bị mất trong 03 tháng là 14.400.000 đồng (4.800.000 đồng/tháng x 3 tháng), tại phiên tòa bị cáo chấp nhận bồi thường khoản tiền này nên cần công nhận thỏa thuận, buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị L số tiền 14.400.000 đồng. Đối với yêu cầu tổn thất về tinh thần do danh dự, nhân phẩm là 400.000.000 đồng, thấy rằng bị cáo có hành vi vu khống làm ảnh hưởng đến danh dự, nhân phẩm của Chị L, tuy nhiên chị Linh yêu cầu 400.000.000 đồng là quá cáo, không phù hợp khoản 2 Điều 592 Bộ luật dân sự, nên chỉ chấp nhận bồi thường tổn thất về tinh thần 07 tháng lương cơ sở theo quy định của Nhà nước là 10.360.000 đồng (1.490.000 đồng/tháng x 7 tháng = 10.360.000 đồng); đối với thiệt hại về kinh tế gia đình chị Linh không cung cấp được chứng cứ chứng minh thiệt hại nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của chị L. Như vậy, cần buộc bị cáo bồi thường cho chị Nguyễn Thị L tổng cộng số tiền 24.760.000 đồng; bị cáo đã bồi thường 15.000.000 đồng, còn phải tiếp tục bồi thường 9.760.000 đồng.

- Đối với yêu cầu của anh Lê Đình V: Yêu cầu bồi thường tổn thất, tinh thần do danh dự, nhân phẩm bị xâm hại là 100.000.000 đồng, thấy rằng bị cáo có hành vi vu khống làm ảnh hưởng đến danh dự, nhân phẩm của ông Lê Đình V nên phải bồi thường khoản tiền bù đắp về tinh thần, tuy nhiên ông Vững yêu cầu 100.000.000 đồng là quá cao, không phù hợp khoản 2 Điều 592 Bộ luật dân sự, nên chỉ chấp nhận mức 8 tháng lương cơ sở do Nhà nước quy định là hợp lý, cụ thể 1.490.000 đồng/tháng x 8 tháng = 11.920.000 đồng. Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại về kinh tế do chăn

nuôi bị thua lỗ thấy rằng anh Lê Đình V không cung cấp được chứng cứ chứng minh thiệt hại thực tế nên không có căn cứ để chấp nhận. Như vậy, cần buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Lê Đình V số tiền 11.920.000 đồng.

[3] Về vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 74C1-307.42 của ông Trịnh Cường mà bị cáo Cương mượn để làm phương tiện đi ra thành phố Đông Hà để thực hiện hành vi in ấn tờ rơi nhằm vu khống bà L, ông V (bị cáo bán cho ông C nhưng chưa sang tên đổi chủ) và ông C không biết bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Triệu Phong đã trả lại xe mô tô cho ông C là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 23/2021/LCĐKNCT-TA ngày 31 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị thời hạn đến ngày 14/7/2021 nên cần ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Trịnh Thế C.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có trách nhiệm bồi thường dân sự cho các bị hại nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Triệu Phong, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Về trách nhiệm hình sự:** Tuyên bố bị cáo Trịnh Thế C phạm tội “*Vu khống*”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 156; điểm b, s, i khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự; xử phạt:

**TRỊNH THẾ C: 15 (mười lăm)** tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **30 (ba mươi)** tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 14/7/2021.

Giao bị cáo Trịnh Thế C cho Ủy ban nhân dân xã Triệu Giang, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của án treo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Triệu Giang, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

**2. Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 589; Điều 592 Bộ luật dân sự; xử:

Buộc bị cáo Trịnh Thế C phải bồi thường tiếp cho chị Nguyễn Thị L số tiền 9.760.000 đồng (*chín triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng*). Bồi thường cho anh Lê Đình V số tiền 11.920.000 đồng (*mười một triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng*).

*Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành nếu bên phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền nói trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

*Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**3. Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Buộc bị cáo Trịnh Thế C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự và 1.084.000 đồng phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKS, CA huyện T.Phong;
- Chi Cục THADS huyện T.Phong;
- THA Hình sự;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Hồng Phước**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**













